

NGHỊ QUYẾT**Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng
giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030****I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
GIAI ĐOẠN 2003 - 2017**

Lâm Đồng là địa bàn quan trọng của vùng Tây Nguyên có tỷ lệ dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 24,1% (*dân tộc gốc Tây Nguyên chiếm 15%*)¹. Những năm qua, đảng bộ, chính quyền tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết, chính sách của Trung ương, Chính phủ về công tác dân tộc; đảm bảo sự bình đẳng, đoàn kết, hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành, lãnh, chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách đầu tư phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số² và đạt nhiều kết quả quan trọng:

Kết cấu hạ tầng nông thôn, vùng đồng bào DTTS được đầu tư, cơ bản hoàn thiện, đến nay 100% xã có đường kiên cố đến trung tâm xã, có trạm y tế và được phủ sóng phát thanh truyền hình; 97% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; hệ thống trường, lớp được đầu tư, đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào DTTS; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; chú trọng việc giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực cho đồng bào DTTS về áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn hoá mới, giữ gìn bản sắc dân tộc, xóa bỏ các tập tục lạc hậu. Nhiều cơ chế, chính sách, chương trình, dự án lớn được đầu tư có hiệu quả, đã và đang làm đổi thay căn bản đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Đến nay, nhiều xã vùng dân tộc thiểu số đã hoàn thành bộ tiêu chí nông thôn mới. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS không ngừng nâng lên. Đến cuối năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS còn 11,56%³.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc được đảm bảo. Công tác dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Công tác quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn cán bộ người DTTS được quan tâm, phần lớn cán bộ người DTTS được đào tạo đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý nhà nước, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng,

¹ Đồng bào DTTS 70.655 hộ; trong đó DTTS gốc Tây Nguyên 39.792 hộ với 196.061 người; với 66 xã và 468 thôn có trên 20% đồng bào DTTS sinh sống, trong đó nhiều thôn, buôn, xã có đồng bào DTTS chiếm trên 80%.

² Năm 2001, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 20/11/2001 về đầu tư phát triển vùng ĐBDTTS thời kỳ 2001 - 2005; đặc biệt, năm 2003, ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU về CTHĐ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH TW (khóa IX) về công tác dân tộc (Nghị quyết 24-NQ/TW); năm 2006, ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về tập trung nguồn lực, tiếp tục đầu tư phát triển KTXH, đảm bảo QPAN vùng ĐB DTTS giai đoạn 2006 - 2010; năm 2012, BTV Tỉnh ủy ban hành CTHĐ số 31-CTr/TU thực hiện Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020.

³ tỷ lệ hộ nghèo của huyện Đam Rông (huyện 30a) còn 27,47%, riêng hộ nghèo DTTS là 42,26%.

an ninh của tỉnh. Hệ thống chính trị vùng đồng bào DTTS không ngừng được củng cố, đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm: Trình độ phát triển giữa vùng đồng bào DTTS và vùng đô thị còn khoảng cách khá lớn. Công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí dân cư, đầu tư còn nhiều bất cập; việc giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc còn chậm. Việc xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp để hỗ trợ phát triển sản xuất tại một số địa phương còn lúng túng; quy mô sản xuất trong vùng đồng bào dân tộc chưa hợp lý; việc nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp hiệu quả còn chậm, tính lan tỏa chưa cao. Kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực chưa tương xứng và hiệu quả còn hạn chế⁴; vốn đầu tư nhiều dự án, vùng đồng bào DTTS, nhất là các dự án định canh, định cư còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, một số xã vùng đồng bào dân tộc chưa hoàn thành các tiêu chí quan trọng như: thu nhập, hình thức tổ chức sản xuất, tỷ lệ hộ nghèo. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp còn diễn biến phức tạp. Việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng, gắn với nâng cao thu nhập, đời sống người dân hiệu quả chưa cao.

An sinh xã hội còn tồn tại nhiều vấn đề. Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững⁵. Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận đồng bào dân tộc còn khó khăn; việc giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ bị mai một. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng cán bộ người DTTS còn bất cập. Số sinh viên người DTTS đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng chưa có việc làm còn nhiều. Công tác quản lý nhà nước và tham mưu triển khai thực hiện công tác dân tộc còn hạn chế. Trình độ, năng lực một số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số thuộc các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ.

An ninh trật tự vùng DTTS còn tiềm ẩn vấn đề phức tạp; một số hộ dân DTTS vẫn còn tư tưởng “trở về làng cũ”; tình trạng chuyển nhượng, tranh chấp đất đai, ...chậm được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng để lôi kéo, chống phá.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG ĐB DTTS GIAI ĐOẠN 2018 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

1. Quan điểm chỉ đạo

- Công tác dân tộc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Thực hiện nhất quán quan điểm của Đảng: các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, định canh, định cư.

- Xác định rõ các nguồn lực đầu tư, nội dung đầu tư để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự

⁴ Cơ cấu vốn đầu tư chưa hợp lý, chủ yếu là dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng, nguồn vốn đầu tư trực tiếp cho sản xuất hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, công tác giảm nghèo, ổn định canh, ổn cư ở các địa phương.

⁵ Thu nhập bình quân đầu người vùng DTTS còn thấp so mặt bằng chung của tỉnh.

án và xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đảm bảo an sinh xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, tránh dàn trải; thực hiện tốt các chính sách dân tộc và phát triển, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Huy động mọi nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức, doanh nghiệp và nguồn vốn ngân sách địa phương để tiếp tục đầu tư phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người dân vùng đồng bào DTTS; triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc và các chương trình, dự án được đầu tư; thực hiện kịp thời, hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, góp phần từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch phát triển giữa vùng đô thị với vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng và phát huy lực lượng cốt cán, người có uy tín vùng dân tộc; nắm chắc tình hình, kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh ngay tại cơ sở để giữ vững ổn định chính trị vùng đồng bào dân tộc. Cùng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Từ năm 2018 đến năm 2025

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS bình quân mỗi năm từ 2 - 3%; thu nhập bình quân đầu người vùng DTTS tăng gấp 2 lần so với năm 2015; 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 95% đồng bào DTTS được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- 100% đường trục liên xã được nhựa hoá, bê tông hoá và từng bước nâng cấp, mở rộng; trên 80% đường trục liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá; 100% thôn, buôn có điện, trên 98% số hộ được dùng điện; trên 95% số hộ được dùng nước hợp vệ sinh; 100% xã, thị trấn, thôn, buôn, tổ dân phố có thiết chế văn hóa - thể thao, nhà trẻ, mẫu giáo, điểm trường tiểu học; 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và có bác sỹ làm việc; giải quyết đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho trên 80% số hộ đồng bào DTTS thiếu đất sản xuất.

- Huy động các nguồn lực đầu tư hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc tiếp thu khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất, đời sống; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm; phát triển sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm, nâng cao đời sống gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý rác thải rắn trong vùng đồng bào DTTS.

- Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu, bố trí hợp lý cán bộ, công chức người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp; 100% cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS được đào tạo, trong đó 60% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

- Trên 60% số người trong độ tuổi lao động là người DTTS được đào tạo nghề và tập huấn về cách thức phát triển sản xuất; có chính sách bố trí việc làm với tỷ lệ

hợp lý đối với sinh viên người DTTS đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

- Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp tập quán của từng dân tộc gắn với việc bảo quản, giữ gìn, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; xây dựng nếp sống văn minh gắn với Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới.

- củng cố tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng an ninh vùng đồng bào DTTS.

b) Định hướng đến năm 2030

- Các chỉ tiêu chủ yếu vùng đồng bào DTTS: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2 - 3%/năm; tỷ lệ đồng bào được cấp thẻ BHYT đạt 98%; tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ đại học, cao đẳng đạt 63%; tỷ lệ trẻ em người DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học trên 98%; tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học trên 79%; tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ trên 80%; tỷ lệ lao động người DTTS được đào tạo nghề đạt 65%; tỷ lệ hộ được dùng điện đạt 99,5%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 98%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh trên 75%; tỷ lệ đường liên thôn được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 85%.

- Tiếp tục thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng đô thị với vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đồng bào dân tộc được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá; tiếp tục thực hiện nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hoá, xã hội, giảm nghèo nhằm từng bước phát triển toàn diện, nhanh, bền vững và hội nhập, đảm bảo an ninh, quốc phòng ổn định vững chắc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác dân tộc. Quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác dân tộc và các cơ chế, chính sách đối với đồng bào dân tộc⁶ trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân từ tỉnh đến cơ sở bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau để từng cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp, người dân nâng cao nhận thức, phát huy nội lực trong phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững, thoát nghèo vươn lên làm giàu chính đáng.

2. Tiếp tục bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, các nhiệm kỳ tiếp theo và chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh để thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp; huy động các nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy ngay hiệu quả; đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, đường nội đồng phục vụ sản xuất và các tuyến đường cấp thiết khác. Quy hoạch và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Khai thác tốt các thế mạnh của từng vùng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; kết hợp giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng kinh tế để nâng cao thu nhập, từng bước cải

⁶ Đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng NTM của Trung ương và Kế hoạch của tỉnh đến năm 2020,...

thiện đời sống nhân dân.

3. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chính sách dân tộc, công tác giảm nghèo bền vững; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng vùng; ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dần sang sản xuất hàng hoá. Trong đó, chú trọng:

a) Rà soát, đánh giá lại các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai thực hiện trong vùng DTTS để khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong thực hiện, từ đó đổi mới phương thức, nội dung công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng phát huy quyền làm chủ, sự chủ động tham gia của người dân trong quá trình thực hiện trên địa bàn; giải quyết kịp thời các kiến nghị và những vấn đề phát sinh trong thực tế triển khai; chuyển dần từ hình thức hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp thông qua các hình thức vay vốn sản xuất, đào tạo tay nghề, hỗ trợ kỹ thuật.

b) Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Tỉnh uỷ (khóa X): số 06-NQ/TU về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025 và số 05-NQ/TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, lồng ghép các chương trình để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đảm bảo nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, buôn; kiên cố hóa trường học, trạm y tế, bưu điện văn hóa xã; hỗ trợ làm nhà ở, giải quyết đất sản xuất, giải quyết việc làm; phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất mới mang lại giá trị kinh tế cao, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ vay vốn để nhân dân có điều kiện phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa; phát huy mô hình vườn hộ, gắn kết giữa phát triển trồng trọt và chăn nuôi, hướng dẫn người dân thực hành sản xuất, nâng cao thu nhập tạo điều kiện thoát nghèo bền vững.

c) Huy động nguồn lực đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất; hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với doanh nghiệp mở rộng các mô hình liên kết sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, phát triển dịch vụ, đặc biệt là xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

d) Chủ động đổi mới hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, thủy sản; mở rộng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất; nhân rộng và phát triển các mô hình làng nghề truyền thống; chú trọng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức mới gắn với thực hành, sát yêu cầu thực tiễn để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông, khuyến lâm là người DTTS để triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án đầu tư trong vùng đồng bào DTTS.

đ) Đầu tư có hiệu quả các chương trình, dự án cho các thôn, buôn đặc biệt khó khăn bằng các nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, huy động nguồn lực xã hội hóa, công lao động của cộng đồng dân cư tham gia; triển khai đầu tư hoàn thiện các dự án định canh, định cư; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trong vùng đồng bào dân tộc; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện phát triển sản xuất; tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách đối với đồng bào DTTS; phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, vai

trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo trong thực hiện chính sách dân tộc.

e) Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách về: tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động để mỗi đối tượng nghèo đều được đầu tư hỗ trợ thoát nghèo bền vững; có khả năng tiếp cận ứng dụng các quy trình sản xuất, vận hành các thiết bị mới phục vụ phát triển sản xuất của gia đình; nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở, đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế, hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe trong vùng đồng bào DTTS.

g) Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, quy định về quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, thu gom chất thải rắn trong sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt trong vùng đồng bào DTTS để hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, khu sản xuất, khu dân cư tại các địa phương.

4. Rà soát tư liệu sản xuất, giải quyết đất sản xuất cho các hộ dân còn thiếu đất cho các hộ, đặc biệt tại huyện Đam Rông và các xã đặc biệt khó khăn; đồng thời tuyên truyền, vận động người dân quản lý, sử dụng có hiệu quả quỹ đất hiện có đầu tư phát triển sản xuất, không chuyển nhượng, tranh chấp đất đai trái phép; phát huy nội lực, phát triển kinh tế hộ; nhận bảo vệ và chăm sóc rừng, không phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, hủy hoại tài nguyên rừng, tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch các khu dân cư; thực hiện hoàn thành cơ bản việc bố trí ổn định dân cư, đặc biệt là dân di cư tự do tại huyện Đam Rông và một số địa phương trong tỉnh để đồng bào dân tộc ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất tại nơi ổn canh, ổn cư, thụ hưởng đầy đủ các cơ chế, chính sách của Nhà nước, đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, thu hẹp khoảng cách về mọi mặt giữa các vùng, khu vực.

5. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển giáo dục, du lịch, dịch vụ, xây dựng đời sống văn hóa và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp tại từng địa phương, dân tộc và tôn giáo; khuyến khích các nghệ nhân phổ biến, truyền dạy nghề truyền thống cho thế hệ trẻ; gìn giữ và phát huy những sản phẩm văn hóa độc đáo, hấp dẫn góp phần phát triển các loại hình văn hóa - du lịch, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào DTTS.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết ở các cấp, ngành. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay tại cơ sở. Tạo điều kiện cho người dân, các tổ chức quần chúng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc.

7. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng ĐBDTTS; kiên quyết không để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, xuyên tạc, chống phá; không để việc lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

8. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong vùng DTTS. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở đảm bảo cụ thể hóa, triển khai thực hiện hiệu

quả các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước tại địa phương, cơ sở. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển. Vận động đồng bào tham gia cùng cấp ủy đảng, chính quyền giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư vùng đồng bào dân tộc. Biểu dương kịp thời các gương điển hình tiên tiến, người có uy tín, gia đình tiêu biểu trong vùng DTTS.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

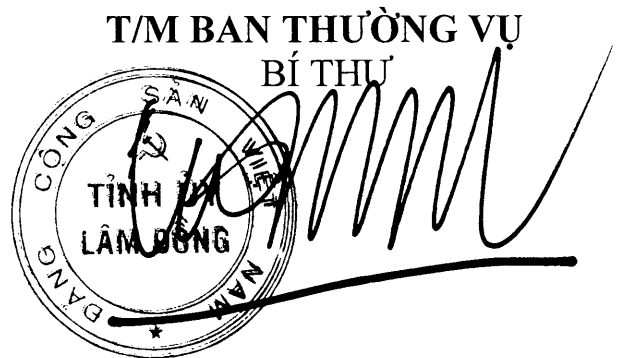
1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết này; kịp thời chỉ đạo giám sát, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện và định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết, gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết. Định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; hàng năm đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; định kỳ 5 năm tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo.)PL

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chính phủ,
- Ủy ban Dân tộc,
- TTTU, HONND, UBND tỉnh,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh,
- Các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu VPTU, KT1, KT4.



Nguyễn Xuân Tiến